| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 752/2023/KDTM-PT
Ngày: 18/7/2023
V/v Đòi nợ

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Phùng Thị Như Mai
*Các Thẩm phán*: Bà Vũ Thị Hường
Bà Lưu Thị Đoan Trang

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 61/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2023 về: "Đòi nợ".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2762/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: 123 ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 05 đường P, Khu phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Có mặt).

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần G.

Địa chỉ: 03 đường E, cư xá B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 77/28/31 Đường O, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 05 đường P, Khu phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Có mặt).

- Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 178 Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 77/28/31 Đường O, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

**Người kháng cáo:** Công ty Cổ phần S – nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bản án sơ thẩm đã thể hiện:

1. Theo Đơn khởi kiện và các Biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần S, do ông Phạm Thanh H là người đại diện theo pháp luật trình bày như sau:

Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty Cổ phần G (gọi tắt là Công ty G) có ký kết Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 để sản xuất các lò đốt rác thải.

Đến ngày 14/11/2015, Công ty G và Công ty S đã ký Hợp đồng nguyên tắc số: 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015, tổng số tiền vốn để sản xuất 04 lò đốt rác thải là 5.600.000.000 đồng, mỗi bên có trách nhiệm góp 50% số vốn là 2.800.000.000 đồng, phía Công ty S đã góp cho Công ty G số tiền là 2.800.000.000 đồng để Công ty G sản xuất 04 lò đốt rác bán cho khách hàng, mỗi bên sẽ được chia 50% lợi nhuận trên tổng số lợi nhuận thu được.

Đến ngày 17/8/2016, Công ty S và Công ty G đã ký Biên bản xác nhận công nợ để thanh lý đối với Hợp đồng góp vốn và Hợp đồng nguyên tắc như trên. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 thì Công ty G còn thiếu Công ty S số tiền 6.430.000.000 đồng, gồm có:

- Nợ tiền hàng: 6.310.000.000 đồng.

- Nợ tiền cá nhân là: 120.000.000 đồng.

Theo Biên bản hòa giải ngày 07/4/2022, ông Phạm Thanh H, là người đại diện theo pháp luật của Công ty S đã giải trình như sau:

Số tiền mà Công ty G còn nợ theo Biên bản xác nhận công nợ 17/8/2016 là 6.430.000.000 đồng, gồm có:

- Tiền nợ vốn góp: 2.800.000.000 đồng.

- Tiền nợ lợi nhuận của 04 máy đốt rác mà Công ty G đã sản xuất: 2.800.000.000 đồng.

- Tiền nợ cá nhân của ông Huỳnh Văn H (là người đại diện theo pháp luật của Công ty G tại thời điểm đó) là: 830.000.000 đồng.

Đến tháng 9/2018, Công ty G đã trả cho Công ty S tổng số tiền nợ là 1.890.500.000 đồng, bao gồm cả tiền hàng và tiền nợ cá nhân của ông Huỳnh Văn H. Nay Công ty G còn thiếu lại 4.539.500.000 đồng.

Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 giữa Công ty S và Công ty G không xác định thời hạn. Trên thực tế hợp đồng này đã được hai bên thực hiện xong, tại thời điểm ngày 17/8/2016, phía Công ty G đã xác nhận công nợ như trên được xem như đã thanh lý hợp đồng.

Nay Công ty S yêu cầu Công ty G phải trả toàn bộ số tiền là 4.539.500.000 đồng Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016. Yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu Công ty G trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tính từ tháng 9/2018 cho đến ngày xét xử.

Công ty S chỉ cung cấp được cho Tòa án Phiếu ủy nhiệm chi thể hiện số tiền đã chuyển cho Công ty G để góp vốn theo hợp đồng là 700.000.000 đồng, ngoài ra phía Công ty S không cung cấp được chứng cứ gì khác để thể hiện số tiền đã góp vốn cho Công ty G là 2.800.000.000 đồng.

2. Bị đơn, Công ty G, do ông Nguyễn Thái H là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Giữa Công ty G và Công ty S có ký kết Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 và Hợp đồng nguyên tắc số: 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 để sản xuất 04 lò đốt rác thải. Công ty S phải có nghĩa vụ đóng góp 50% trên tổng số tiền sản suất 04 máy đốt rác thải, số tiền phía Công ty S cần phải góp vốn là 2.800.000.000 đồng, thời hạn góp vốn là 07 ngày kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng nguyên tắc trên, nếu quá thời hạn mà Công ty S không gửi đủ số tiền góp vốn thì mặc nhiên Hợp đồng góp vốn sẽ bị thanh lý.

Công ty G xác định số tiền mà phía Công ty S đã góp để thực hiện Hợp đồng góp vốn như trên chỉ là 700.000.000 đồng theo Phiếu ủy nhiệm chi mà phía Công ty S đã cung cấp cho Tòa án, phía Công ty S đã không góp đủ số tiền 2.800.000.000 đồng như đã cam kết theo hợp đồng. Do phía Công ty G là bên trực tiếp sản xuất 04 lò đốt rác thải để bán cho khách hàng nên để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, Công ty G đã phải tự bỏ tiền ra để đủ vốn sản xuất 04 máy đốt rác trên để bán khách hàng, việc sản xuất và mua bán này đã hoàn tất.

Căn cứ vào các thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc số 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 thì Công ty S đã vi phạm hợp đồng và đơn phương chấm dứt hợp đồng nên Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 và Hợp đồng nguyên tắc số 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 ký kết giữa hai bên mặc nhiên bị thanh lý kể từ ngày 22/11/2015.

Do Công ty S đã vi phạm hợp đồng và đơn phương chấm dứt hợp đồng nên Công ty S không còn quyền và nghĩa vụ gì trong việc góp vốn sản suất theo các hợp đồng đã ký kết, Công ty G không phải có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty S số tiền 700.000.000 đồng mà Công ty S đã góp vốn trước đó.

Ngày 17/8/2016, giữa hai bên Công ty G và Công ty S có ký Biên bản xác nhận công nợ, ghi nhận Công ty G còn thiếu Công ty S số tiền 6.430.000.000 đồng. Tuy nhiên, Biên bản xác nhận công nợ này không liên quan

gì đến Hợp đồng góp vốn và Hợp đồng nguyên tắc đã ký kết và đó cũng không phải là Biên bản thanh lý cho các hợp đồng trên. Số tiền nợ 6.430.000.000 đồng thể hiện trên Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 là nợ tiền hàng của những giao dịch khác giữa hai công ty và tiền nợ cá nhân giữa ông Phạm Thanh H và ông Huỳnh Văn H chứ không phải là tiền nợ của Hợp đồng góp vốn mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp phía Công ty S khởi kiện để tranh chấp đối với Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 và Hợp đồng nguyên tắc số: 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 thì đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện của Công ty S vì các hợp đồng này đều đã bị thanh lý kể từ ngày 22/11/2015 nhưng đến ngày 21/5/2020 phía Công ty S mới nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, Công ty G yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại phiên tòa, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Thanh H trình bày như sau:

Trước đây, ông Phạm Thanh H có cho ông Huỳnh Văn H, là người đại diện theo pháp luật của Công ty G tại thời điểm đó mượn số tiền 830.000.000 đồng. Đến ngày 17/8/2016 giữa hai bên công ty ký Biên bản xác nhận công nợ nên đã gom chung tiền nợ của Hợp đồng góp vốn và tiền nợ cá nhân của ông Huỳnh Văn H, tổng số tiền nợ là 6.430.000.000 đồng. Đến tháng 9/2018, Công ty G đã trả cho Công ty S tổng số tiền nợ là 1.890.500.000 đồng, trong đó bao gồm cả nợ tiền hàng của Hợp đồng góp vốn và tiền nợ cá nhân của ông Huỳnh Văn H, trừ đi số tiền 1.890.500.000 đồng đã trả thì Công ty G còn thiếu lại số tiền 4.539.500.000 đồng. Ông Phạm Thanh H cũng không xác định được cụ thể là trong số tiền 1.890.500.000 đồng mà Công ty G đã trả thì trả nợ tiền hàng là bao nhiêu và trả tiền nợ cá nhân là bao nhiêu.

- Ông Huỳnh Văn H, do ông Nguyễn Thái H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây, ông Huỳnh Văn H (là người đại diện theo pháp luật của Công ty G) có mượn riêng của ông Phạm Thanh H (là người đại diện theo pháp luật Công ty S) số tiền là 120.000.000 đồng và ông Huỳnh Văn H đã trả hết số tiền nợ trên trong số tiền 1.890.500.000 đồng mà phía ông Phạm Thanh H đã trình bày. Còn đối với số nợ tiền hàng 6.310.000.000 đồng theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 là nợ tiền hàng của Công ty G đối với Công ty S trong những giao dịch khác chứ không phải tiền nợ đối với Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 và Hợp đồng nguyên tắc số: 011/HTGS-ĐT/HD9NT2015 ngày 14/11/2015 về việc góp vốn sản xuất các lò đốt rác thải. Biên bản xác nhận công nợ đó không phải là Biên bản thanh lý hợp đồng đối với các hợp đồng trên.

Ông Huỳnh Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty G tại thời điểm ký kết Hợp đồng góp vốn và thực hiện hợp đồng giữa hai bên xác định số tiền mà Công ty S đã góp vốn chỉ là 700.000.000 đồng.

4. Ý kiến tranh luận của các bên tại phiên tòa:

a) Ông Lê Văn Nga, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S trình bày như sau:

Hợp đồng góp vốn và Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty S và Công ty G đã thực hiện xong, giữa hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 và đây cũng chính là Biên bản thanh lý cho các hợp đồng trên. Nay Công ty S khởi kiện là để đòi nợ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 chứ không tranh chấp về Hợp đồng góp vốn. Ông N xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về "Đòi nợ" chứ không phải "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" trong vụ án kinh doanh thương mại, việc Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" là không đúng với quy định pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án về tranh chấp dân sự "Đòi nợ".

Công ty S yêu cầu Công ty G phải trả số tiền nợ 4.539.500.000 đồng Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016. Yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu Công ty G trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tính từ tháng 9/2018 cho đến ngày xét xử.

b) Ông Nguyễn Thái H trình bày như sau:

- Căn cứ vào Điều 2 - Mục 4 (thỏa thuận về phương thức, thời hạn góp vốn và hậu quả) và Điều 2 - Mục 7 (về quyền và nghĩa vụ của Công ty S) của Hợp đồng nguyên tắc số 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 thì phía Công ty S đã vi phạm hợp đồng và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do đó, Hợp đồng góp vốn số: HĐGV/HT/SH/2015 ngày 22/8/2015 và Hợp đồng nguyên tắc số 011/HTGS-ĐT/HĐNT2015 ngày 14/11/2015 ký kết giữa hai bên mặc nhiên đã bị thanh lý kể từ ngày 22/11/2015 và Công ty S đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Công ty G không phải có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty S số tiền 700.000.000 đồng mà Công ty S đã góp vốn trước đó.

- Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 không liên quan gì đến Hợp đồng góp vốn giữa hai bên, đó là số tiền nợ của những giao dịch khác. Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty G trả số tiền nợ 4.539.500.000 đồng theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 để thanh toán cho Hợp đồng góp vốn giữa hai bên là không có cơ sở.

**Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận A đã tuyên như sau:**

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu Công ty Cổ phần G trả số tiền nợ gốc 4.539.500.000 đồng (bốn tỷ năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ tháng 9 năm 2018 đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Công ty Cổ phần G.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/3/2023, nguyên đơn là Công ty Cổ phần S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm đã xác định sai quan hệ tranh chấp, xét xử không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Thanh H đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Từ thời điểm nộp đơn khởi kiện và trong suốt quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm nguyên đơn đều xác định đi đòi nợ đối với bị đơn từ Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016. Số tiền xác nhận nợ Công ty G đã xác nhận cho nguyên đơn là 6.430.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu phía nguyên đơn không nhớ hết các khoản tiền cụ thể của 6.430.000.000 đồng là từ những khoản nào và cũng do các bên đã ký xác nhận công nợ nên nguyên đơn chỉ căn cứ vào xác nhận này và yêu cầu bị đơn thanh toán. Thực tế sau khi xác nhận nợ, phía bị đơn đã nhiều lần thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 1.890.500.000 đồng. Vì vậy, đến nay bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.539.500.000 đồng. Yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 9/2018 đến khi thanh toán hết nợ. Ông Phạm Thanh H yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A**.**

Ông Nguyễn Thái H đại diện ủy quyền của bị đơn và cũng là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông xác nhận giữa hai Công ty G và Công ty S đã ký biên bản xác nhận công nợ số tiền 6.430.000.000 đồng theo biên bản xác nhận nợ ngày 17/8/2016. Ông cũng xác nhận rằng phía Công ty S đã thanh toán được 1.890.500.000 đồng của công nợ này. Tuy nhiên, ông cho rằng trong hồ sơ vụ án này tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết tranh chấp đối với Hợp đồng góp vốn là đúng và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Nếu Nguyên đơn tranh chấp đối với công nợ trên thì khởi kiện bằng một vụ án khác để được giải quyết đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Công ty Cổ phần S, hủy Bản án sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST của Tòa án nhân dân Quận A tuyên xử ngày 21/3/2023 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 21/3/2023, Toà án nhân dân Quận A đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 05/2023/KDTM-ST. Ngày 29/3/2023, Công ty Cổ phần S có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của Công ty S còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty Cổ phần S khởi kiện tranh chấp đối với Bị đơn là Công ty Cổ phần G có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận A có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn, Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" và xét xử đối với quan hệ tranh chấp này là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn tranh chấp đòi nợ đối với bị đơn nên đề nghị hủy bản án sở thẩm. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này của Công ty S như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, nguyên đơn là Công ty Cổ phần S có ghi nội dung trích yếu dưới tiêu đề đơn "v/v Đòi nợ". Tại phần yêu cầu phía nguyên đơn cũng xác định yêu cầu Tòa án buộc Công ty G trả cho Công ty S số tiền nợ gốc và nợ lãi. Yêu cầu này của nguyên đơn là thống nhất trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn xác định đòi nợ đối với Công ty G theo biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016. Công nợ này từ nhiều khoản nợ hình thành giữa Công ty G và Công ty S nhưng do thời gian lâu quá ông Phạm Thanh H đại diện nguyên đơn không nhớ được nên ông chỉ căn cứ vào xác nhận này đòi Công ty

G thanh toán. Ông Nguyễn Thái H đại diện của Công ty G và ông Huỳnh Văn H cũng xác nhận giữa hai Công ty S và Công ty G có ký biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016, số tiền theo biên bản xác nhận công nợ này là nhiều khoản nợ khác nhau chứ không phải là khoản nợ của hợp đồng góp vốn. Sau khi xác nhận công nợ, ông Huỳnh Văn H đại diện Công ty G đã nhiều lần thanh toán cho ông Phạm Thanh H đại diện Công ty S tổng số tiền là 1.890.500.000 đồng. Lần thanh toán cuối cùng là ngày 27/9/2018 theo sao kê tài khoản tại bút lục 16. Từ những phân tích ở trên, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng góp vốn là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan hệ tranh chấp đúng là "Đòi nợ". Tính từ ngày thanh toán cuối cùng giữa hai bên ngày 27/9/2018 đến ngày nguyên đơn khởi kiện 21/5/2020 thì yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu để xem xét. Bản án sơ thẩm đã xác định sai quan hệ tranh chấp dẫn đến áp dụng sai pháp luật và đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là không đúng.

Do xác định sai quan hệ tranh chấp nên cấp sơ thẩm chưa làm rõ khoản nợ các bên xác nhận tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2016 bao gồm những khoản nợ nào, nợ nào là nợ của công ty, nợ nào nợ cá nhân ông Nguyễn Thái H và ông Phạm Thanh H. Các khoản tiền đã thanh toán là thanh toán cho nợ cá nhân hay nợ công ty giữa hai ông Nguyễn Thái H, ông Phạm Thanh H hay với tư cách đại diện Công ty S và Công ty G. Đồng thời nếu xác định khoản nợ cá nhân trong khoản nợ của công ty thì cần đưa vợ của ông Nguyễn Thái H và ông Phạm Thanh H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Những sai sót này của cấp sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Hội đồng xé xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để làm đúng thủ tục tố tụng và làm rõ nội dung vụ án.

Do đó, yêu cầu hủy án sơ thẩm của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm như nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần S, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận A; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận A giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty Cổ phần S không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng số AA/2021/002099 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

**Phùng Thị Như Mai**